TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2026/DS-ST
Ngày: 06/08/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chung Thị Đài

Bà Phạm Thị Duyên

Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Tú – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan.

Ngày 06 tháng 08 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 269/2026/TLST-DS ngày 13 tháng 03 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1021/2026/QĐXXST-DS ngày 29/06/2026, Quyết định hoãn phiên toà số 1049/2026/QĐST-KDTM ngày 16/07/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1);

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc Q; chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý khách hàng cá nhân 2. *(Văn bản uỷ quyền sos50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025).*

Người được uỷ quyền lại: Ông Lê Thế Đ, chức vụ Chuyên viên xử lý nợ pháp lý V1. *(Văn bản uỷ quyền ngày 902/2026/UQ-VPB ngày 09/02/2026).*

Số CCCD: 038078006087

Địa chỉ: Tầng C, Tòa nhà Trung tâm thương mại - Đại Lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1991
Số CCCD: 038191021711

- Ông Trần Quốc H, sinh năm 1986.
Số CCCD: 038086025375

Cùng thường trú tại: H, dự án số A, khu đô thị T, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

1. Về quan hệ tranh chấp*:* Ông Trần Quốc H và vợ bà Nguyễn Thị Ánh N vay vốn tại V1 theo các hợp đồng cho vay cụ thể như sau:

* Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2104263665189 ngày 05/05/2021.

- Số tiền cho vay: 1,498,000,000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu đồng).*

- Thời hạn vay: 84 tháng *(Bằng chữ: Tám mươi tư tháng)*, tính từ ngày tiếp theo ngày 05/05/2021 đến ngày 05/05/2028.

- Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu MERCEDES BENZ, GLC300 số máy 492031835657 sản xuất năm 2019 phục vụ mục đích sử dụng của KH.

- Lãi suất cho vay, phí và các chi phí khác.

- Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 9%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo phương thức quy định tại Điểm b, Điểm c, Khoản 7 này.

- Điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn định kỳ: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày 05/05/2021. Hết Thời gian 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/01 lần vào các ngày 01/01. 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 05/05/2022, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/07/2022. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản

vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 84 tháng được Bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website:www.V1.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chinh cộng (+) biên độ 3.4%/năm.

- Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyền nợ quá hạn.

- Trả nợ gốc, lãi tiền vay: Bên vay phải thanh toán gốc, lãi của khoản vay cho Bên Ngân hàng theo lịch biểu sau đây:

+ Trả nợ gốc: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 10 (Kỳ trả nợ gốc). K ỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10/6/2021, Số tiền nợ gốc mà Bên vay phải trả mỗi kỷ là: 17,833,000 đồng (Bằng chữ: Mười bảy triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn đồng chẵn). Riêng kỳ cuối cùng trả: 17,861,000 đồng (Bằng chữ: Mười bảy triệu, tám trăm sáu mươi mốt nghìn đồng chẵn).

+ Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lân, vào ngày 10 (Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 10/06/2021.

* Giấy đề nghị vay vốn có Tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (Ký hiệu hợp đồng thẻ số: 005-P-8277011).

- Ngày đề nghị phát hành thẻ tín dụng; 24/04/2021.

- Ngày sử dụng thẻ: 28/02/2025.

- Hạn mức tín dụng thẻ đề nghị (VNĐ): Tối đa bằng 5% giá trị khoản vay có tài sản bảo đảm được V1 phê duyệt.

- Số tiền được phê duyệt giải ngân: 48,000,000 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu đồng chẵn./.).*

- Loại thẻ phát hành; V2.

- Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ tiêu dùng cá nhân.

- Loại hình cho vay: Không có tài sản bảo đảm. - Lãi suất cho vay trong hạn là: 33.48%/năm. - Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

2. Tài sản bảo đảm cho khoản vay:

Để đảm bảo cho việc thực hiện các nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, V1 và bà Nguyễn Thị Ánh N, ông Trần Quốc H cùng thống nhất tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, số loại: GLC 300, màu: Xanh, số chỗ ngồi: 05, biển kiểm soát: 36A-633.99; số khung: RLM0G4KB6KV008631; số máy: 27492031835657, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 36 007083, thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của bà Nguyễn Thị Ánh N và ông Trần Quốc H.

3. Quá trình thực hiện Hợp đồng:

- Quá trình thực hiện hợp đồng ông Trần Quốc H và vợ là Nguyễn Thị Ánh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 kể từ ngày 10/12/2025 và phải chịu mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay, mặc dù V1 đã nhiều lần yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên ông Trần Quốc H và vợ là Nguyễn Thị Ánh N vẫn không thực hiện theo cam kết.

- Tính đến ngày 06/8/2026; Ông Trần Quốc H và vợ là Nguyễn Thị Ánh N đã thanh toán cho V1 số tiền (Có bảng kê chi tiết kèm theo) như sau:

- Nợ gốc đã trả: 962,982,000 đồng.
- Nợ lãi đã trả: 578,479,441 đồng.

Tổng cộng: 1,541,461,441 đồng.

Bằng chữ: (Một tỷ năm trăm bốn mươi mốt triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn, bốn trăm bốn mươi mốt đồng).

- Tạm tính đến ngày 06/8/2026: Ông Trần Quốc H và vợ là Nguyễn Thị Ánh N còn nợ V1 số tiền (Có bảng kê chi tiết kèm theo) như sau:

- Số hợp đồng;	LN2104263665189 ngày 05/05/2021	Giấy đề nghị vay vốn … điện tử ngày 28/2/2025	Tổng cộng

- Nợ gốc còn phải trả;	535,018,000 đ	48,000,000 đ	583,018,000 đ
- Nợ lãi trong hạn;	13,478,727 đ	2,685,738 đ	16,164,465 đ
- Nợ lãi quá hạn;	92,873,262 đ	15,850,258 đ	108,723,520 đ
Tổng cộng;	**641,369,989 đ**	**66,535,996 đ**	**707,905,985 đ**

Bằng chữ: (bảy trăm linh bảy triệu, chín trăm linh năm nghìn, chín trăm tám mươi lăm đồng).

3. Yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Buộc ông Trần Quốc H và vợ là Nguyễn Thị Ánh N phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với V1, trả toàn bộ số tiền nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho vay nêu trên.

- Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay nêu trên kể từ sau ngày hòa giải và/ hoặc xét xử sơ thẩm cho đến ngày ông Trần Quốc H và vợ là Nguyễn Thị Ánh N thực tế thanh toán hết các khoản nợ cho V1.

- Đề nghị Tòa án tuyên (buộc) trong Bản án hoặc Quyết định: V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ các khoản nợ cho V1, cụ thể như sau: 01 xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, số loại: GLC 300, màu: Xanh, số chỗ ngồi: 05, biển kiểm soát: 36A-633.99; số khung: RLM0G4KB6K V008631; số máy: 27492031835657, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 36 007083, thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của bà Nguyễn Thị Ánh N và ông Trần Quốc H.

Quá trình làm việc, bị đơn ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N không có mặt theo giấy triệu tập cũng như không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình nên Toà án không lấy lời trình bày ý viến về vụ án của ông H và bà N được.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Ngân hàng TMCP V đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào nội dung khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ "tranh chấp hợp đồng tín dụng", bị đơn có nơi cư trú tại H, dự án số A, khu đô thị T, phường

H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự *(sau đây viết ătts là BLTTDS)*.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 299, Điều 301, Điều 317, Điều 319, Điều 613, Điều 615 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự *(sau đây viết tắt là BLDS)* năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 74, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V, buộc bị đơn ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N phải có trách nhiệm liên đới *(mỗi người một nửa)* trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ khoản nợ tính đến ngày xét xử (ngày 06/08/2026) theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2104263665189 ngày 05/05/2021 và Giấy đề nghị vay vốn có Tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (Ký hiệu hợp đồng thẻ số: 005-P-8277011) ngày 24/04/2021 với ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N đã ký tổng cả gốc và lãi là 707,905,958 đồng. Ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N tiếp tục phải chịu lãi trên dư nợ gốc tính từ ngày 07/08/2026 theo các hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán khoản vay cho ngân hàng V1

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành các tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số LN2104263665189 ngày 05/05/2021 để thanh toán khoản nợ.

Về án phí: Buộc bị đơn phải liên đới chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ "tranh chấp hợp đồng tín dụng", bị đơn có nơi cư trú tại H, dự án số A, khu đô thị T, phường H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều BLTTDS.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N là bị đơn đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà N theo quy định tại Điều 227, Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Việc kí kết các hợp đồng tín dụng là tự nguyện giữa Ngân hàng TMCP V với ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N, người tham gia ký hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, hình thức của các hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật do đó các Hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP V đã thực hiện đúng nghĩa vụ và giải ngân đầy đủ cho và ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N theo đúng Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2104263665189 ngày 05/05/2021 và Giấy đề nghị vay vốn có Tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (Ký hiệu hợp đồng thẻ số: 005-P-8277011) ngày 24/04/2021 số tiền 1.546.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu đồng)*. Tuy nhiên, kể từ ngày 10/12/2025, ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N không trả nợ theo đúng cam kết đã ký mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp là đúng theo thỏa thuận của các bên đã ký.

Việc tính lãi của ngân hàng đúng với mức lãi suất theo hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp. Từ thời điểm Ngân hàng làm đơn khởi kiện đến thời điểm xét xử, ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N chưa trả được thêm đồng nào cả gốc và lãi cho Ngân hàng. Điều đó cho thấy ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N không có thiện chí để trả nợ tất toán cho Ngân hàng. Như vậy có cơ

sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N phải có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP V. Số tiền nợ tính đến ngày 06/08/2026 là: 707,905,958 đồng, trong đó: Nợ gốc là**:** 583,018,000 đồng**;** Lãi trong hạn là: 16,164,465 đồng; Lãi quá hạn là: 108,723,520 đồng.

[3] Tài sản bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm*:*

Các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng có bảo đảm bằng: hợp đồng thế chấp tài sản số LN2104263665189 ngày 05/05/2021 giữa bên thế chấp là ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP V.

Tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, số loại: GLC 300, màu: Xanh, số chỗ ngồi: 05, biển kiểm soát: 36A-633.99; số khung: RIM0G4KB6KV008631; số máy: 27492031835657, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 36 007083, thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của bà Nguyễn Thị Ánh N và ông Trần Quốc H.

Hợp đồng thế chấp trên được các bên xác lập tuân thủ đúng quy định về nội dung, hình thức, chủ thể giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự nên Hợp đồng thế chấp là hợp pháp. Sau khi ký kết hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng TMCP V yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp trong trường hợp ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N không trả được nợ là phù hợp với Điều 299 của BLDS nên được chấp nhận

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm, nếu không đủ để trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2104263665189 ngày 05/05/2021 và Giấy đề nghị vay vốn có Tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (Ký hiệu hợp đồng thẻ số: 005-P-8277011) ngày 24/04/2021 thì ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N còn phải liên đới tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết như trên.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP V được chấp nhận nên ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 299, Điều 301, Điều 317, Điều 319, Điều 613, Điều 615 và Điều 651 của BLDS; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 74, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của BLTTDS; Điều 5 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

1. Buộc ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N phải có trách nhiệm liên đới *(mỗi người một nửa)* trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 06/08/2026 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2104263665189 ngày 05/05/2021 và Giấy đề nghị vay vốn có Tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (Ký hiệu hợp đồng thẻ số: 005-P-8277011) ngày 24/04/2021 đã ký tổng cả gốc và lãi là 707.905.985đ *(bảy trăm linh bảy triệu, chín trăm linh năm nghìn, chín trăm tám mươi lăm đồng),* trong đó lãi trong hạn là 16,164,465 *(mười sáu triệu một trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng)*, laĩ quá hạn là 108,723,520 *(một trăm linh tám triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn năm trăm hai mươi đồng)*. Chia phần: ông H phải trả 353.952.992đ *(ba trăm năm mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn chín trăm chín mươi hai đồng)*, bà N phải trả 353.952.992đ *(ba trăm năm mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn chín trăm chín mươi hai đồng)*.

2. Kể từ ngày 07/08/2026, ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N phải có trách nhiệm liên đới *(mỗi người một nửa)* tiếp tục chịu các khoản nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo quy định của các Hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, số loại: GLC 300, màu: Xanh, số chỗ ngồi: 05, biển kiểm soát: 36A-633.99; số khung: RLM0G4KB6KV008631; số máy: 27492031835657, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 36 007083, thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của bà Nguyễn Thị Ánh N và ông Trần Quốc H.

4. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm, nếu không đủ để trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2104263665189 ngày 05/05/2021 và Giấy đề nghị vay vốn có Tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (Ký hiệu hợp đồng thẻ số: 005-P-8277011) ngày 24/04/2021 thì ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N còn phải liên đới *(mỗi người một nửa)* tiếp tục thực hiện nghĩa trả nợ cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay của các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

5. Về án phí:

- Bị đơn ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị Ánh N phải liên đới chịu: 32.316.239đ đồng *(ba mươi hai triệu ba trăm mười sáu nghìn hai trăm ba mươi chín đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Chia phần: ông H phải chịu 16.158.119 đồng *(mười sáu triệu một trăm năm mươi tám nghìn một trăm mười chín đồng)*, bà N phải chịu 16.158.119 đồng *(mười sáu triệu một trăm năm mươi tám nghìn một trăm mười chín đồng)*.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.054.000đ *(bằng chữ: mười bốn triệu không trăm năm mươi tư nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001875 ngày 13/03/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND kv1 Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 1

ZDM060826.TL.QDBA
1994

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Tân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Oanh **Nguyễn Văn Long** **Nguyễn Thanh Tân**